

SỞ MN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 632 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT
 CÔNG VIẾT NAM 16h/1
 ĐEN Ngày: 04/3/2013

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
 Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;
 Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định 05/2008/NĐ-CP);
 Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh;
 Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai;
 Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 335/SNN-LN ngày 04/02/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
- Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Bộ máy điều hành Quỹ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT (CNN).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái

ĐIỀU LỆ

Về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 632 /QĐ-UBND ngày 28 /02/2013
của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Chương I
QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định 05/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai

1. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập theo Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.

2. Trụ sở của Quỹ: Đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai.

4. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Dong Nai Forest Protection and Development Fund (Dong Nai FPDF).

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập Quỹ:

- Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng;

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng;

- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

- Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn Nhà nước cấp ban đầu;

- Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách Nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư;

- Phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10, Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

Điều 5. Nhiệm vụ và Quyền hạn của Quỹ

1. Nhiệm vụ của Quỹ:

- Tiếp nhận và quản lý nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước; vận động, tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

- Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trong phạm vi Quỹ có thể hỗ trợ kinh phí, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định theo thẩm quyền.

- Thực hiện hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đối tượng trong việc quản lý và sử dụng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thống kê, kế toán, kiểm toán và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Thường xuyên học tập, trao đổi kinh nghiệm về nghiệp vụ điều hành, quản lý Quỹ với Quỹ Trung ương và Quỹ các tỉnh;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

2. Quyền hạn của Quỹ:

- Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ.
- Đình chỉ, thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Kiến nghị với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

Chương III NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Ngân sách Nhà nước tỉnh hỗ trợ vốn ban đầu khi thành lập Quỹ.
2. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 10, Nghị định 05/2008/NĐ-CP.
3. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.
4. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác.
5. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Các nội dung được hỗ trợ:
 - Tùy theo điều kiện cụ thể của Quỹ, nội dung các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được xem xét, hỗ trợ gồm:
 - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;
 - Thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững;
 - Hỗ trợ kinh phí để chống chặt, phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép;
 - Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới; phát triển, nâng cấp các nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;
 - Hỗ trợ giống cây lâm nghiệp trồng phân tán; phát triển các loại lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;

- Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở;
- Thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy thác.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

- Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Điều 7 Điều lệ này, được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

- Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ: Quỹ hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; qui định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn giảm khoản kinh phí hỗ trợ phải hoàn lại Quỹ

3. Danh mục ưu tiên hỗ trợ tài chính của Quỹ bao gồm:

- Các hoạt động truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về môi trường rừng, phát triển rừng bền vững và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Dự án trồng rừng; bảo vệ môi trường rừng; phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

- Dự án đầu tư ứng dụng hoặc nghiên cứu thử nghiệm thuộc Chương trình hành động bảo tồn đa dạng sinh học tại các đơn vị chủ rừng.

- Dự án nghiên cứu triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, phòng chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố về môi trường rừng.

- Các dự án, chương trình, hoạt động và nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hỗ trợ tài chính phù hợp với từng thời kỳ.

Điều 10. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Danh mục ưu tiên hỗ trợ, mức tài trợ cho các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, môi trường rừng hàng năm do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

2. Quỹ tài trợ cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án, hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau:

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và phát triển môi trường rừng; phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường rừng cho cộng đồng; khen thưởng; phổ cập các nội dung chương trình bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

- Các dự án thử nghiệm, phổ biến và nhân rộng các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ rừng, môi trường rừng.

- Đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong bảo vệ và phát triển rừng; môi trường rừng các giải pháp phòng tránh, hạn chế và khắc phục sự cố hủy hoại môi trường rừng.

3. Quỹ được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đồng tài trợ chính cho các nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; môi trường rừng theo quy định và phù hợp với cam kết của phía đồng tài trợ.

4. Quỹ được sử dụng tối đa 20% kinh phí hoạt động hàng năm để tài trợ và đồng tài trợ (từ nguồn 10% kinh phí hoạt động của Quỹ theo qui định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường).

5. Mức vốn tài trợ không hoàn lại tối đa bằng 50% tổng chi phí để thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ môi trường rừng của dự án xin tài trợ.

Điều 11. Nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác:

- Quỹ được nhận ủy thác tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

- Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác; mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi cụ thể trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

- Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện các nội dung ủy thác theo hợp đồng ủy thác.

- Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác; mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi cụ thể trong hợp đồng ủy thác.

Chương IV TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 12. Tổ chức bộ máy của Quỹ gồm:

1. Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Ban Kiểm soát Quỹ.

3. Bộ máy điều hành Quỹ.

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có cơ cấu 07 thành viên, mỗi thành viên được gọi là ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là lãnh đạo Sở Tài chính;

3. Các ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế.

4. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ được Chủ tịch UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 13/12/2012 về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Đồng Nai.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán của Quỹ không được bổ trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

6. Các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo qui định của pháp luật hiện hành. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là 05 năm; ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

5. Trình UBND tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.

6. Thông qua kế hoạch về kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của UBND tỉnh, nhưng không được trái với quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cho ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành hoạt động chung của Hội đồng quản lý Quỹ và Quỹ; tổ chức triển khai thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp, ngành liên quan đến hoạt động của Quỹ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; chịu trách nhiệm về những công việc được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phân công.

2. Chủ trì chuẩn bị nội dung, chương trình các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ và lập kế hoạch công tác của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Đề xuất các chủ trương, chính sách, giải pháp phù hợp để điều chỉnh hoặc giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện chương trình, kế hoạch công tác đã được phân công và nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền, được triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ, đồng thời ký văn bản báo cáo các cấp, ngành theo quy định.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phân công trong lĩnh vực chuyên ngành phụ trách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về những nhiệm vụ được phân công.

2. Tham gia, phối hợp chặt chẽ với các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện công tác liên quan đến hoạt động của Quỹ trên địa bàn tỉnh, phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực mình phụ trách.

3. Thực hiện chế độ báo cáo và kiến nghị các vấn đề có liên quan trong lĩnh vực được phân công.

Điều 18. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ

có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một ủy viên khác được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi ủy viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Ủy viên của Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một ủy viên Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 19. Tổ chức Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có tối đa 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát Quỹ còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện, báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch UBND về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát về tình hình hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ khi chưa được sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm, xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

d) Căn cứ các Quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ;

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh, Sở Tài chính;

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán của Quỹ;

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.

Điều 22. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh và trước pháp luật về phần việc được phân công.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo quy định của pháp luật và theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Điều 23. Kế toán Quỹ

1. Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh và trước pháp luật về phần việc được giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo quy định của pháp luật và theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

Điều 24. Bộ máy điều hành Quỹ

1. Bộ máy điều hành Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Lãnh đạo của bộ máy điều hành do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật.

3. Lãnh đạo của bộ máy điều hành và cán bộ công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 25. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Ban điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và Ban điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN CỦA QUỸ

Điều 26. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.
2. Quỹ phải tổ chức bộ phận kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật; báo cáo tài chính của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán.

Chương VI XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 27. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 28. Tổ chức lại, giải thể

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị UBND tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Sát nhập, thành lập mới các bộ phận nghiệp vụ thuộc Quỹ

Việc sáp nhập, thành lập mới các phòng nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ, do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Điều khoản thi hành và sửa đổi

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và bộ máy điều hành Quỹ có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.
2. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết, đánh giá hoạt động, tham mưu đề xuất UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Thái